

UBND QUẬN GÒ VẤP TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề có 04 trang)	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NH 2022 - 2023 Môn: TOÁN - LỚP 6 Ngày kiểm tra: Thứ Năm ngày 22/12/2022 Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)
---	--

ĐỀ BÀI

I. TRẮC NGHIỆM : (3,0 điểm)

Câu 1: Cho các câu sau, chọn khẳng định đúng.

- A. Các số 1; 2; 3; 0; -1; -2; -3 là các số nguyên âm.
- B. Các số 0; -1; -2; -3 là các số nguyên âm.
- C. Các số 1; 0; -1 là các số nguyên âm.
- D. Các số -1; -2; -3 là các số nguyên âm.

Câu 2: Tập hợp các số nguyên kí hiệu là:

- A. $\mathbb{N}$
- B. $\mathbb{Z}$
- C. $\mathbb{R}$
- D. $\mathbb{Q}$

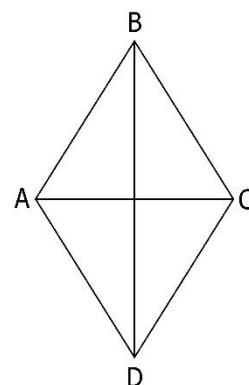
Câu 3: Ong là loài côn trùng có tổ chức xã hội rất cao. Ong có tập tính sống theo bầy đàn, mỗi đàn đều có ong chúa, ong thợ, ong non... và đều có sự phân công công việc rõ ràng. Một bánh tổ ong bằng sáp mới xây chỉ nặng 150g có thể chứa đến 3kg mật ong mà không bị vỡ, cấu trúc tổ ong là hình gì mà vừa có sức chứa tối đa lại có độ bền rất lớn?



- A. Hình lục giác
- B. Hình thoi
- C. Hình vuông
- D. Hình chữ nhật

Câu 4: Cho hình thoi ABCD. Khẳng định nào sau đây **SAI**?

- A. Bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DA$.
- B. Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.
- C. Hai đường chéo AC, BD vuông góc.
- D. Hai đường chéo AC, BD cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.



Câu 5: Số học sinh nam của các lớp khối 6 được cho trong bảng số liệu sau:

Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6
Số học sinh nam	22	25	21	24	30	−25

Thông tin nào của bảng dữ liệu trên là chưa hợp lý?

- A. 22 B. 25 C. 30 D. −25

Câu 6: Điểm kiểm tra các môn học kì I của bạn Thành được ghi lại trong bảng sau:

Môn	Toán	Văn	Tiếng Anh	KHTN	KHXX
Điểm kiểm tra	10	8	7	9	8

Điểm môn Tiếng Anh của bạn Thành là bao nhiêu?

- A. 7 điểm B. 8 điểm
C. 9 điểm D. 10 điểm

Câu 7: Cho $b = -10$. Số đối của số b là:

- A. 10 B. −10 C. 01 D. −01

Câu 8: Nhiệt độ trung bình vào mùa đông của một số địa điểm là:

Địa điểm	Hà Nội	Nhật Bản	Canada	Nga
Nhiệt độ	10°C	-5°C	-25°C	-30°C

Địa điểm nào có nhiệt độ thấp nhất?

- A. Hà Nội B. Nhật Bản C. Nga D. Canada

Câu 9: Dữ liệu số xe bán được của cửa hàng Thành Công qua các năm từ năm 2018 đến năm 2021 được cho ở bảng sau đây:

Năm	Số xe bán được
2018	
2019	
2020	
2021	

( : 20 xe;  : 10 xe)

Hãy cho biết năm 2020, cửa hàng bán được bao nhiêu xe?

- A. 150 B. 160 C. 60 D. 50

Câu 10: Dữ liệu nào **KHÔNG** đúng định dạng trong cột “địa chỉ” của bảng dữ liệu sau:

STT	Họ và tên	Địa chỉ
1	Nguyễn Phương Quỳnh	758 Quang Trung
2	Nguyễn Minh Châu	748/3 Thống Nhất
3	Hồ Quang Đức	80/47 Phạm Văn Chiêu
4	Phạm Thanh Thảo	15/3/1 Nguyễn Oanh
5	Lê Minh Hiền	43 Phạm Văn Bạch
6	Đặng Văn Nam	0903289155

A. 758 Quang Trung

B. 15/3/1 Nguyễn Oanh

C. 0903289155

D. 80/47 Phạm Văn Chiêu

Câu 11: Tính tuổi thọ của nhà Toán học người Hy Lạp Thales, biết rằng ông sinh năm – 624 và mất năm – 546.

A. –78

B. 78

C. 87

D. –87

Câu 12: Cho hai số nguyên $a = 15$ và $b = -3$. Chọn khẳng định đúng.

A. a là bội của b .

B. b là bội của a .

C. a là ước của b .

D. a không chia hết cho b .

II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) Thực hiện phép tính:

$$3^{217} : 3^{215} + 5^2.3 - 120 : 2^2$$

Câu 2: (0,5 điểm) Tìm x là số nguyên, biết:

$$(x - 95) + 29 = 9^3$$

Câu 3: (1,0 điểm) Hướng ứng chương trình Sữa học đường với chủ đề “Chung tay vì một Việt Nam vươn cao”, công ty sữa ABC cần phân phối đến một trường học số hộp sữa nằm trong khoảng 600 đến 800 hộp. Nếu đóng số hộp sữa trên thành các thùng 12 hộp, thùng 16 hộp, thùng 20 hộp thì vừa đủ. Tính số hộp sữa mà công ty ABC cần phân phối.

Câu 4: (1,5 điểm) Cho các số nguyên sau: -3 ; 4 ; 0 ; 2 ; -5 ;

a) Sắp xếp các số nguyên trên theo thứ tự tăng dần.

b) Biểu diễn các số nguyên đã cho trên cùng một trục số.

Câu 5: (1,0 điểm)

a) Liệt kê ba bội của số nguyên -4 .

b) Liệt kê tất cả các ước nguyên của số nguyên -7 .

Câu 6: (1,0 điểm) Sân vận động Mỹ Đình là sân vận động có sức chứa lớn nhất Việt Nam, có dạng hình chữ nhật với chiều dài 105m và chiều rộng 68m. Sân chính là sân vận động đa chức năng, kết hợp sân thi đấu bóng đá, điền kinh, sân nhảy cao, sân ném tạ, ném lao, ném tạ xích, khu nhảy sào kép, khu nhảy xa kép,...

a) Tính chu vi sân vận động Mỹ Đình?

b) Tính diện tích sân vận động Mỹ Đình?

Câu 7: (1,0 điểm) Điểm kiểm tra HK1 môn Toán của các bạn tổ 2 và tổ 3 của lớp 6A được lớp trưởng ghi nhanh như sau:

3	6	8	8	9	9	9	10	8	8
4	5	9	9	7	7	7	5	5	9

a) Hãy lập bảng thống kê điểm kiểm tra HK1 môn Toán của các bạn tổ 2 và tổ 3 của lớp 6A.

b) Có bao nhiêu bạn đạt điểm 10 ?

Câu 8: (0,5 điểm) Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh tổ 1 lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường.

Đi bộ



Xe đạp	
Xe máy (ba mẹ chở)	

(Mỗi  ứng với 2 học sinh)

- Có bao nhiêu học sinh đi bộ đến trường?
- Tổ 1 lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	D	B	A	B	D	A	A	C	D	C	B	A

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm																		
1	$3^{217} : 3^{215} + 5^2.3 - 120 : 2^2$ $= 3^2 + 25.3 - 120 : 4$ $= 9 + 75 - 30$ $= 84 - 30 = 54$	0,25 0,25																		
2	$(x - 95) + 29 = 9^3$ $(x - 95) + 29 = 729$ $x - 95 = 729 - 29 = 700$ $x = 700 + 95 = 795$	0,25 0,25																		
3	Số hộp sữa mà công ty ABC cần phân phối là bội chung của 12, 16 và 20. Tính đúng: BCNN(12,16,20) = 240 BC(12,16,20) = B(240)={0; 240; 480; 720; 960; ...} Vì số hộp sữa nằm trong khoảng 600 đến 800 hộp nên số hộp sữa mà công ty ABC cần phân phối cho trường là 720 hộp.	0,25 0,25 0,25 0,25																		
4	a) -5; -3; 0; 2; 4 b) Biểu diễn đúng	0,75 0,75																		
5	a) Liệt kê đúng 3 bội của -4 b) Liệt kê đúng các ước nguyên của -7 Thiếu 1 đến 2 ước -0,25đ	0,5 0,5																		
6	Chu vi của sân Mỹ Đình là: $(105 + 68).2 = 346$ (m) Diện tích của sân Mỹ Đình là: $105.68 = 7140$ (m ²)	0,5 0,5																		
7	a) Lập bảng đúng: <table><tr><td>Điểm</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>Số hs</td><td>1</td><td>1</td><td>3</td><td>1</td><td>3</td><td>4</td><td>6</td><td>1</td></tr></table> Sai mỗi số - 0,25đ b) Có 1 học sinh đạt điểm 10.	Điểm	3	4	5	6	7	8	9	10	Số hs	1	1	3	1	3	4	6	1	0,75 0,25
Điểm	3	4	5	6	7	8	9	10												
Số hs	1	1	3	1	3	4	6	1												
8	a) Có 2 học sinh đi bộ đến trường. b) Ta có: $6.2 = 12$ (học sinh) Vậy tổ 1 lớp 6A có 12 học sinh.	0,25 0,25																		

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá																Tổng % điểm	Tổng TG (ph)
			Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng				Vận dụng cao					
			TN KQ	TG	TL	TG	TN KQ	TG	TL	TG	TN KQ	TG	TL	TG	TN KQ	TG	TL	TG		
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên											2 (TL1, 2) 1,0đ	10P					2,0 (20 %)	25P
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung														1 (TL 3) 1,0đ	15P			
2	Số nguyên (20 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	5 (TN 1, 2, 7, 8, 11) 1,25đ	10P	2 (TL 5a, 5b) 1,0đ	8P			2 (TL 4a, 4b) 1,5đ	8P									4,0 (40%)	28P
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN 12) 0,25đ	2P																
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	1 (TN3) 0,25đ	2P															2,0 (20%)	12P
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	1 (TN4) 0,25đ	2P					2 (TL 6a, 6b) 1,0đ	8P										
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	2 (TN5, 10) 0,5 đ	4P															2,0 (20%)	25P
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	2 (TN6, 9) 0,5 đ	4P				2 (TL 8a, 8b) 0,5đ	7P			2 (TL 7a, 7b) 1,0đ	10P							
Tổng: Số câu: Điểm:			12 3,0	24P	2 1,0	8P			6 3,0	23P			4 2,0	20P			1 1,0	15P	25 10,0	90P
Tỉ lệ %			40%				30%				20%				10%				100%	
Tỉ lệ chung			70 %								30 %								100%	

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên.	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.				
		Các phép tính với số tự nhiên.	– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.				
			Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.				
			Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	–Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.			
		Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp,phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ:tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).			2 TL (TL1, 2)		
	Tính chia hết trong tập	Nhận biết :					

		hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.				
			– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.				
			Vận dụng: – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.				
			Vận dụng cao: – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.				1TL (TL3)
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết: – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.	2TN (TN1,2)			
			– Nhận biết được số đối của một số nguyên.	1TN (TN7)			
			– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.	1TN(TN8)			
			– Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn	1TN(TN11)			
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số nguyên trên trục số.		1TL (TL4b)		
			– So sánh được hai số nguyên cho trước.		1TL (TL4a)		
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.	1TN (TN12) 2 TL (TL 5a, 5b)			
			Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.				
			Vận dụng:				

			- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp,phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1TN (TN3)			
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1TN (TN4)			
			Thông hiểu: – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).		2TL (TL 6a, 6b)		
			Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.				
MỘT SỐ YẾU TỐ THÔNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	Nhận biết: – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. Vận dụng: – Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.	2TN (TN5,10)			

		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ. Nhận biết: – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). Thông hiểu: – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). Vận dụng: – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).	2TN (TN6, 9)	2 TL (TL 8a, 8b)	2 TL (TL 7a, 7b)	
--	--	---	-------------------------	-----------------------------	-----------------------------	--